

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 284/2024/QĐST-HNGĐ T, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự (HNGĐ) thụ lý số 330/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Lan A, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: số nhà A, Tổ C, khu T, ngõ F H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Việt C, Số B L, Tổ C, Khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0387.912.090

2. Ông Ngô Đức V, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Việt C, Số B L, Tổ C, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0988.878.309

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Lan A và ông Ngô Đức V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 19/9//2016.

Thời gian đầu chung sống, bà A, ông V hạnh phúc, cả hai quan tâm, lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mặc dù chung sống cùng nhau nhưng không chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, bà A, ông V nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống, bà A và ông V có 01 con chung là Ngô Thị Thanh N (nữ), sinh ngày 23/12/2016. Hiện nay, con chung đang sống cùng bà A và ông V. Sau khi ly hôn, bà A, ông V thỏa thuận con chung do bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A và ông V thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Lan A và ông Ngô Đức V thuận tình ly hôn.

(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 19/9/2016 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước)

- Về con chung và nuôi con: Bà Trần Thị Lan A được trực tiếp nuôi con chung Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 23/12/2016.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Lan A và ông Ngô Đức V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông V. Ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà A. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà A, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà A, ông V mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003281 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Phú Sơn, H. Bù Đăng, Bình Phước;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT

Trần Thanh Bình